

# ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC THƯ VIỆN - THÔNG TIN VỪA ĐÁP ỨNG NHU CẦU, VỪA LÀM THAY ĐỔI NHU CẦU XÃ HỘI

**Nguyễn Minh Hiệp. BA, MS.**

Giảng viên Thông tin - Thư viện, Đại học Sài Gòn

Tóm tắt:

*Trong nhiều thập niên qua, việc đào tạo ngành Thư viện - Thông tin ở nước ta hầu như chỉ đáp ứng được nhu cầu không thay đổi trong một xã hội đang đổi thay từng ngày. Do đó, việc đổi mới trong đào tạo ngành Thư viện - Thông tin một cách đồng bộ là việc làm cấp bách. Bài viết đưa ra ba tiêu chí cơ bản trong đổi mới đào tạo: Ngành Thư viện - Thông tin là ngành khoa học thực hành; Chương trình đào tạo phải chuẩn hoá; Gắn liền với công nghệ thông tin.*

**Từ khoá:** Nguồn nhân lực, đào tạo, thư viện.

Abstract:

*During the last many decades, training of the Library-Information sector in our country has almost met the unchangeable needs in an everyday changing society only. Thus, a synchronous innovation in the Library-Information training is an urgent task. The article provides three basic criteria of the training innovation: The Library-Information sector is a practical science; The training curriculum must be standardized; It must attach with information technology.*

**Key words:** Human resources, training, libraries.

**T**rong nhiều thập niên qua, việc đào tạo ngành Thư viện - Thông tin (TVTT) ở nước ta hầu như chỉ đáp ứng được nhu cầu không thay đổi trong một xã hội đang đổi thay từng ngày. Có thể lý giải vấn đề này như sau:

- Thư viện học thế giới đã từng phân đôi thành hai nền thư viện học xã hội chủ nghĩa và thư viện học tư bản chủ nghĩa trong thế kỷ trước, nay đã tiến đến hợp nhất thành một ngành khoa học duy nhất gắn liền với công nghệ thông tin (CNTT) [8]. Hệ thống thư viện Việt Nam đã từng phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn chịu nhiều áp lực bởi quán tính của những giá trị cũ.

- Ngày nay công nghệ mới đã chi phối mọi hoạt động TVTT, nhưng chương trình đào tạo này không thể hình thành được tư duy công nghệ mới về ngành nghề của mình cho học viên và sinh viên, trong khi bản thân xã hội công nghiệp ngày nay đã tư hình thành cho mọi người quán tính tư duy công nghệ mới. Một sinh viên TVTT có thể thao

tác trên diễn thoại thông minh của mình một cách thành thạo, nhưng không biết cách lấy thông tin từ kho tài nguyên mở (Open resources) trên mạng để cung cấp theo yêu cầu của người sử dụng.

Do đó, đổi mới việc đào tạo ngành TVTT trên cơ sở "Thư viện gắn liền với CNTT" ở nước ta một cách đồng bộ là việc làm cấp bách. Chương trình đào tạo TVTT đổi mới này ngoài việc không bị áp lực bởi những giá trị cũ chi phối phải dựa vào ba tiêu chí cơ bản sau:

- Ngành TVTT là ngành khoa học thực hành;
- Chương trình đào tạo phải chuẩn hoá;
- Gắn liền với CNTT.

## **1. Thư viện - thông tin là một ngành khoa học thực hành**

Những giá trị cũ làm lý thuyết hoá ngành TVTT đã không còn phù hợp với kỷ nguyên thông tin ngày nay. Do đó, việc đào tạo ngành TVTT phải dựa trên cơ sở thực hành được thể hiện trong

chương trình, giáo trình và phương thức giảng dạy.

### 1.1. Thực hành trong chương trình đào tạo

Ngoài những cơ sở lý luận định hướng thực hành, những môn học chuyên ngành bám sát thực tế công tác thư viện và hoạt động thông tin hiện hành trong điều kiện Việt Nam và hội nhập thế giới.

Một số minh họa về tính thực hành trong chương trình đào tạo này:

- Trong kiến thức cơ sở ngành, mục tiêu của môn học *Thư mục học* là chỉ để thực hành biên soạn các loại thư mục chuyên đề và giới thiệu tài liệu. Giúp cho sinh viên có kỹ năng lập thư mục theo phương pháp thủ công và tự động, không quan tâm đến khía cạnh xã hội như trước đây.

- Môn học *Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong ngành Thư viện* giúp học viên xây dựng và trình bày một bài báo cáo khoa học hay luận văn.

- Môn học *Trang thiết bị tin học trong thư viện* với mục tiêu sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị tin học ứng dụng trong tất cả các công tác thư viện và hoạt động thông tin. Sinh viên được học tính năng, giá cả và cách thức cập nhật những thông tin trên.

- Trong các môn học kiến thức ngành, môn *Tự động hoá* với mục tiêu xây dựng hệ thống TVTT tự động hoá thì trước tiên phải dạy cho sinh viên cách thức soạn thảo và tiến hành một dự án (Proposal - Draft - Project). Phối hợp với kiến thức môn học *Trang thiết bị tin học trong thư viện* và những môn học chuyên ngành khác, môn *Tự động hoá* dạy cho sinh viên xác định vai trò của mình trong việc tự động hoá một cơ quan thông tin là "đứng giữa lãnh đạo và nhà thầu" - thuyết phục lãnh đạo và mắc cả với nhà thầu.

- Với môn *Mạng thư viện - thông tin*, giúp sinh viên hiểu rõ những hình thức tổ chức và liên kết thư viện trong hệ thống thư viện (library system) và liên hiệp thư viện (consortium). Chương trình được thiết kế để sinh viên phải thực hành thường xuyên trên những cơ sở dữ liệu trực tuyến, cũng như tất cả các hệ thống tài nguyên mở, đặc biệt

là cách khai thác hệ thống thư viện số ảo của tất cả các trường đại học danh tiếng trên thế giới.

- Môn *Tài trợ thư viện* mang tính thực tiễn cao. Ngày nay để vận hành và hoạt động tốt một thư viện hay một hệ thống thư viện, phải cần đến nguồn tài trợ ngoài ngân sách nhà nước. Sinh viên được học cách lập kế hoạch tài chính cho hoạt động thư viện và tìm kiếm nguồn tài trợ.

- Ngành TVTT thế giới tự hào về một Mạng công cụ thư tích của ngành mình đó là OCLC. Sinh viên cần phải được học *Mạng công cụ thư tích OCLC* để biết cách khai thác nhằm hỗ trợ cho công việc chuyên môn của mình.

### 1.2. Thực hành trong giáo trình

Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình TVTT đổi mới thì giáo trình cần phải được biên soạn theo phương thức:

- Phân hệ hoá: được chia ra từng phần độc lập với nhiều tiêu đề;

- Chương trình hoá: liên kết ý tưởng trong những tiêu đề của những phân hệ với nhau bằng những "chỉ chỗ" đến nơi cần tham khảo.

Do đó, thông tin trong giáo trình sẽ ngắn gọn và súc tích với chủ trương giáo trình là công cụ để thực hành.

### 1.3. Thực hành trong phương thức giảng dạy

Phương thức giảng dạy theo hệ tín chỉ dựa trên cơ sở học tập theo nhóm:

- Tất cả các môn học chuyên ngành đều được chia nhóm đi thực tập hàng tuần tại các thư viện trong thành phố - học đến đâu thực tập đến đó.

- Các nhóm nhận xét, đánh giá qua thực tế, so sánh với nội dung học tập và thảo luận trong nhóm, rồi thuyết trình trước lớp - sinh viên trong nhóm thay phiên nhau trình bày và cả lớp tham gia thảo luận.

- Việc thực hành hỏi - đáp, thảo luận, tranh luận, thuyết trình không những được khuyến khích mà là một sinh hoạt bắt buộc. Điểm thực hành này được tính vào điểm thi học kỳ. Do đó, sinh viên sau một thời gian ngắn đã có thói quen sinh hoạt học

tập sôi nổi trong lớp. Chính điều này cũng mang đến sự hưng phấn trong học tập của sinh viên.

- Với phương thức thực hành trong giảng dạy và đi thực tập thường xuyên đã giúp cho sinh viên tìm hiểu về ngành nghề của mình, tự nhận xét và phân tích được những ưu, khuyết, tồn tại cần khắc phục. Dần dần sinh viên đã hình thành cho mình kỹ năng "đáp ứng nhu cầu và thay đổi nhu cầu cho hoạt động TVTT nước nhà".

## 2. Chương trình đào tạo phải chuẩn hoá

Trước hết phải chuẩn hoá các thuật ngữ thư viện học. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cố gắng chuyển những thuật ngữ thư viện học tiếng Việt chuẩn hoá sang tiếng Anh tương đương. Điều này làm hạn chế và bỏ hẳn việc sử dụng một số thuật ngữ TVTT tiếng Việt mang tính chất nôm na và thiếu chính xác, đang được sử dụng khá rộng rãi trong đại bộ phận người làm thư viện trong nước, đồng thời khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với tài liệu chuyên ngành TVTT tiếng Anh chính thống thông qua sách, báo, tạp chí và trang web.

Minh họa một số môn học chuyên ngành đòi hỏi phải chuẩn hoá:

- Môn học *Cơ sở khoa học thông tin và thư viện* là môn chuyên ngành đầu tiên được giảng dạy nhằm giúp sinh viên có một cái nhìn tổng thể về công tác thư viện thông qua thư viện học với những giá trị chuẩn hoá trong từng công việc: mô tả tài liệu theo ISBD và AACR2, phân loại theo DDC và LCC, ấn định tiêu đề chủ đề theo LCSH và Sears List, biên mục theo MARC 2.1, hệ thống mục lục theo tiêu đề (tác giả, nhan đề và chủ đề)... về hoạt động thông tin thông qua thông tin học với dịch vụ tham khảo, việc ứng dụng công nghệ mới với nhiều chuẩn kỹ thuật và chuẩn thư tịch trong môi trường điện tử cùng với phần mềm mã nguồn mở để xây dựng thư viện số.

Môn học này giúp cho sinh viên biết cách trình bày thông tin bằng một bài báo cáo viết theo đúng tiêu chuẩn và phương thức, cũng như kỹ năng trình bày một bài báo cáo bằng lời trước công chúng - Đây là những kỹ năng mà sinh viên thường xuyên thực hành suốt cả thời gian học

tập.

Kết quả của môn học giúp cho sinh viên định hình được những gì mình phải thực hành trong thời gian học tập và công việc gì mình sẽ làm khi ra trường. Và nhận thức được rằng Khoa học TVTT là một ngành học thú vị với lý luận và thực tiễn của một ngành khoa học hiện đại.

Ngoài ra, nhấn mạnh cho sinh viên nắm bắt lịch sử phát triển thư viện: Khoa học TVTT là danh xưng mới của Thư viện học kể từ giữa thập niên 1970. Do đó, môn học *Cơ sở khoa học thư viện - thông tin* là thay thế cho *Thư viện học đại cương* và *Cơ sở thông tin học*.

- Đối với môn học *Phân loại tài liệu*, ngay từ đầu phải khẳng định với sinh viên rằng mục tiêu chính yếu (nếu không muốn nói là duy nhất) của phân loại tài liệu là để xếp tài liệu trên giá theo môn loại. Con số phân loại biểu thị nội dung tài liệu là để xếp giá. Do đó, không bao giờ có ý tưởng rằng con số phân loại phải thể hiện chính xác và đầy đủ nội dung một tài liệu. Điều này được thể hiện bởi tiêu đề chủ đề trong hệ thống mục lục đề mục.

Đối với thực hành phân loại theo DDC, một lưu ý hết sức quan trọng cho sinh viên là luôn luôn thực hiện công việc phân loại theo sơ chỉ dẫn dưới các mục từ trong Bảng chính cũng như Bảng phụ trong Khung phân loại DDC.

Phân loại theo LCC giúp sinh viên mạnh dạn trong việc làm thay đổi nhu cầu xã hội, khi LCC đang được sử dụng rộng rãi khắp trên thế giới thì ở Việt Nam việc sử dụng khá khiêm tốn. Hầu như chỉ có một số ít thư viện sử dụng LCC, đó là thư viện Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.

Sử dụng lưu đồ (Flowchart) giải thích quy trình phân loại một tài liệu để giúp sinh viên hiểu một cách trực quan.

- Trong môn học *Biên mục mô tả* cần phân biệt giữa ý nghĩa của tiêu chuẩn và quy tắc để giúp sinh viên nhận thức rằng ISBD là tiêu chuẩn mô tả thư tịch quốc tế, tất cả những quy tắc mô tả

chuẩn hoá đều dựa vào ISBD, chẳng hạn như Quy tắc biên mục Anh-Mỹ AACR2.

Mặc dù AACR2 khá phức tạp, nhưng đây là quy tắc biên mục mô tả được sử dụng trong việc hình thành biểu ghi thư tịch trong hệ thống OPAC có giá trị chuẩn hoá toàn cầu. Môn học này hướng dẫn sinh viên sử dụng thành thạo AACR2.

Song song với việc học các quy tắc biên mục mô tả, sinh viên được học khổ mẫu MARC 21 với việc tích hợp từng trường cụ thể. Môn học này giúp sinh viên kỹ năng biên mục MARC không những sử dụng trong biên mục mô tả mà còn trong những ứng dụng khác.

- Phải thừa nhận rằng môn học *Biên mục chủ đề* là quan trọng nhất trong tất cả các môn học về kiểm soát thư tịch - công việc tạo lập biểu ghi thư tịch bao gồm trong biên mục mô tả, phân loại, biên mục chủ đề, chỉ mục, tóm tắt và lập thư mục.

Biên mục chủ đề để tạo ra tiêu đề chủ đề phản ánh chính xác nội dung tài liệu, được tập trung trong hệ thống mục lục để mục nhằm phản ánh toàn bộ nội dung vốn tài liệu của một thư viện, đồng thời phục vụ đắc lực công việc truy cập theo chủ đề.

Sử dụng lưu đồ giải thích quy trình ấn định tiêu đề chủ đề để giúp sinh viên hiểu một cách trực quan.

Day sinh viên cấu trúc và cách sử dụng hai khung tiêu đề chủ đề chuẩn là *Sears List of Subject Headings* và *Library Congress of Subject Headings* (dùng trong biên mục chủ đề sách và các tài liệu thông tin khác). Ngoài ra, phải phân biệt với Từ điển từ chuẩn - *Thesaurus* (thường được biên soạn theo chuyên ngành, được dùng để định từ khoá trong chỉ mục thông tin tư liệu).

- Môn học *Chỉ mục, trích dẫn và tóm tắt tài liệu* chủ yếu dùng trong hoạt động thông tin. Mục tiêu là chỉ mục, trích dẫn và tóm tắt thông tin tư liệu.

Sinh viên học môn học này được thực hành nghiệp vụ SDI - Phổ biến thông tin có chọn lọc.

- Dịch vụ tham khảo ngày nay được xem như là sinh hoạt chính của bộ phận Công tác bạn đọc

hay Dịch vụ thông tin trong một thư viện chuẩn hoá. Người ta đánh giá thư viện qua dịch vụ tham khảo của thư viện đó - Khả năng thư viện sử dụng công nghệ mới để đáp ứng yêu cầu thông tin đến mức độ nào? Cần phải làm rõ quan điểm này trước khi bắt đầu giảng dạy môn học *Tham khảo*.

Ngoài những nghiệp vụ đặc thù của tham khảo như đánh giá và xây dựng sưu tập tham khảo, tìm kiếm thông tin, hướng dẫn tìm tin... bản thân môn học *Tham khảo* là sự phối hợp các môn học *Công tác bạn đọc, Kỹ năng giao tiếp* và *Công nghệ web*.

Sinh viên được học từ những kỹ năng tham khảo cốt lõi như phỏng vấn, căn bản như tìm kiếm và phân tích thông tin, xây dựng thư mục, đến thực hành dịch vụ tham khảo tại bàn, trực tuyến (chat reference), tham khảo ảo, tải đóng gói thông tin...

Môn học *Tham khảo* được phát triển liên tục theo tốc độ phát triển của công nghệ mới.

### 3. Chương trình đào tạo gắn liền với công nghệ thông tin

TVTT là một ngành khoa học gắn liền với CNTT. Cần giúp sinh viên nhận thức rằng CNTT không phải chỉ là ứng dụng trong ngành TVTT mà chính là nghiệp vụ của TVTT. Hàng ngày, ngoài những công việc thư viện truyền thống, người làm thư viện phải đối mặt với những công việc như:

- Truy hồi thông tin trên Internet;
- Thiết kế và bảo trì trang web;
- Trình bày thông tin và xuất bản điện tử;
- Biên mục trên web;
- Xây dựng những bộ sưu tập số;
- Phổ biến thông tin có chọn lọc cho người sử dụng;
- Tải đóng gói thông tin phục vụ công tác tham khảo.

Đó là những công việc đòi hỏi kiến thức CNTT, hay chính xác hơn là công nghệ web. Những môn học có đề cập và cung cấp kiến thức về CNTT và web bao gồm:

- Môn học *Cơ sở khoa học thông tin và thư viện* có phần đề cập đến công nghệ mới và thư viện số đã giải thích cho sinh viên rằng web là công nghệ của ngành TVTT trong hiện tại và tương lai.

- Môn học *Trang thiết bị tin học trong thư viện* là môn học đầu tiên sinh viên làm quen với CNTT thông qua những vật dụng ngày càng trở nên quen thuộc trong một cơ quan thông tin, chứ không phải chỉ có những giá kệ sách.

- Môn học *Tự động hoá* dạy tất cả những ứng dụng tin học trong một hệ thống thông tin tự động hoá, trong đó có phần mềm quản lý thư viện. Môn học này cho thấy vị trí đứng giữa lãnh đạo và nhà thầu của người làm thư viện trong việc tự động hoá là để thuyết phục lãnh đạo bằng kiến thức nghiệp vụ TVTT của mình và mặc cả với nhà thầu bằng kiến thức CNTT được cập nhật.

- Môn học *Mạng thư viện - thông tin* dạy sinh viên sử dụng công nghệ web để tìm kiếm thông tin trên mạng.

- Môn học *Trình bày thông tin và xuất bản điện tử* dạy sinh viên cơ bản về công nghệ web phục vụ những hoạt động thông tin trong một cơ quan thông tin ngày nay. Thiết kế và bảo trì trang web. Trình bày thông tin lên trang web hay cổng thông tin của thư viện. Xuất bản bản tin điện tử trên mạng.

- Môn học *Thư viện số* là ứng dụng cao nhất của công nghệ web đối với ngành TVTT. Những khái niệm cũng như những tiêu chuẩn truy hồi, biên mục, lưu trữ, chuyển tài, trình bày tài nguyên số được giải thích rõ ràng. Chẳng hạn như chuẩn Dublin Core và METS.

Phương thức xây dựng kho số và bảo trì tài nguyên số. Sử dụng phần mềm mã nguồn mở xây dựng thư viện số bằng cách tạo lập siêu dữ liệu (building metadata) để xây dựng bộ sưu tập số nội sinh và gặt hái siêu dữ liệu (harvesting meta- data) để xây dựng bộ sưu tập ảo.

- Môn học *Tham khảo 2* đúc kết những ứng dụng của các môn học *Tự động hoá, Mạng thư viện - thông tin, Trình bày thông tin và xuất bản điện tử, Thư viện số* luôn luôn cập nhật những

công nghệ mới để giảng dạy sinh viên.

- Trong bốn môn học tự chọn liên quan đến CNTT, môn *Mạng công cụ thư tịch OCC* có tính chất phổ biến cho tất cả sinh viên. Ba môn *Quản trị mạng máy tính, Phân tích và thiết kế hệ thống, Truyền thông đa phương tiện* rất cần thiết cho việc ứng dụng tin học trong hoạt động TVTT vào việc tự động hoá, điều hành một mạng cục bộ, thiết kế và bảo trì trang web nhiều chức năng. Những sinh viên có trình độ CNTT khá được khuyến khích chọn những môn học quan trọng này.

#### 4. Kết luận

TVTT là một ngành chuyên nghiệp (professional) đòi hỏi việc đào tạo phải thiên về thực hành. Sinh viên được chia nhóm và thực tập thường xuyên tại những cơ quan thông tin trong thành phố, tạo thói quen học và làm bài tập theo nhóm, thảo luận nhóm và báo cáo kết quả trong lớp nhằm tạo cho sinh viên kỹ năng sử dụng công nghệ mới để thay đổi nhu cầu xã hội theo những kiến thức mới được học từ nhà trường. Đây chính là một phương pháp giảng dạy hoàn toàn đổi mới.

TVTT là một ngành gắn liền với CNTT nên luôn phát triển và thay đổi. Những môn học thiên về lý thuyết được thay thế bằng những môn học công nghệ mới năng động nhằm giúp sinh viên hình thành tư duy công nghệ mới để thay đổi nhu cầu xã hội, phù hợp với từng giai đoạn phát triển theo công nghệ. Đây chính là một chương trình giảng dạy hoàn toàn đổi mới.

Vai trò thư viện không thay đổi, nhưng làm thế nào để thực hiện vai trò đó thì cần thay đổi theo sự phát triển của công nghệ mới. Cần phải có một chương trình đào tạo nguồn nhân lực TVTT không chỉ để đáp ứng nhu cầu mà luôn luôn đổi mới để thay đổi nhu cầu xã hội mới thực sự đáp ứng được đà phát triển của ngành TVTT hiện đại; đồng thời có thể cung ứng cho xã hội một nguồn nhân lực có trình độ nghiệp vụ TVTT chuẩn hoá, cùng với kiến thức CNTT vững vàng để đảm trách công việc quản lý thông tin trong bất cứ một cơ quan thông tin nào, cũng như trong tất cả các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp, cơ sở quản lý, cơ quan công quyền...

Xem tiếp trang 67